

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Hoàng Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:** Chị và anh Trần Hữu T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 13/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng An, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về nhà mẹ đẻ của chị H chung sống, tại số nhà 02/01, ngõ 280, đường Hùng Vương, tổ 7 (tổ 12 cũ), phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có biểu hiện không chung thủy, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 11 năm 2022 thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên anh T đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân, cắt đứt mọi quan hệ, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Hữu T, sinh ngày 10/11/2012, hiện nay đang ở cùng chị H. Trong thời gian các cháu ở với chị các cháu được đảm bảo mọi điều kiện ăn ở sinh hoạt, học tập và phát triển tốt. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ/tháng, chị có nhà của mẹ đẻ chị để mẹ con chị ở ổn định, chị có mẹ đẻ phụ giúp trong việc nuôi con, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con tốt.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Trần Hữu T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến trình bày nộp cho Tòa án.

*** Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T thể hiện:** Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Hữu T kết hôn năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cùng mẹ đẻ chị H. Thời gian đầu chung sống hòa thuận không có điều tiếng gì. Đến khoảng tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị, nhưng địa phương có thấy anh chị cãi chửi nhau, đã có lần anh T đã đánh chị H. Từ tháng 11 năm 2022 đến nay anh T không chung sống

cùng chị H nữa. Đến nay chị H xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung anh T, chị H có hai con chung như chị H trình bày, hai cháu ở với chị H và mẹ đẻ chị H từ bé đến nay. Cả trong thời gian anh T, chị H ly thân các cháu cũng đến ở cùng chị H. Chị H có công việc và thu nhập ổn định, có mẹ đẻ hỗ trợ việc chăm sóc các con, nhà cửa khang trang, rộng rãi nên địa phương và tổ dân phố đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh T, chị H ở trên nhà đất của mẹ đẻ chị H. Anh chị có tài sản nào chung thì địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Ly hôn, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Hữu T, sinh ngày 10/11/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 11 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Trần Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Hữu T, sinh ngày 10/11/2012. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị H có đủ điều kiện nuôi con và đã nuôi con ổn định, hai con đều có nguyện vọng ở với chị H nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Hữu T.

[2]. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/3/2008 và Trần Hữu T, sinh ngày

10/11/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Hữu T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Trần Hữu T, chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001350 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Trần Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: x ngày 13/8/2007)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương